

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng khoán SBS

Ngày 31/12/2025	6,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	8.9%	-7.6%	27.1%

DT thuần Q4/25
1.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.82 -76.1%
YoY: ▲ 0.06 4.5%

LN thuần Q4/25
0.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.09
YoY: ▲ 0.05 115%

LN sau thuế Q4/25
-0.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.23 42.0%
YoY: ▼0.46 -309%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
1496%
YoY: +/-▼ 7621%

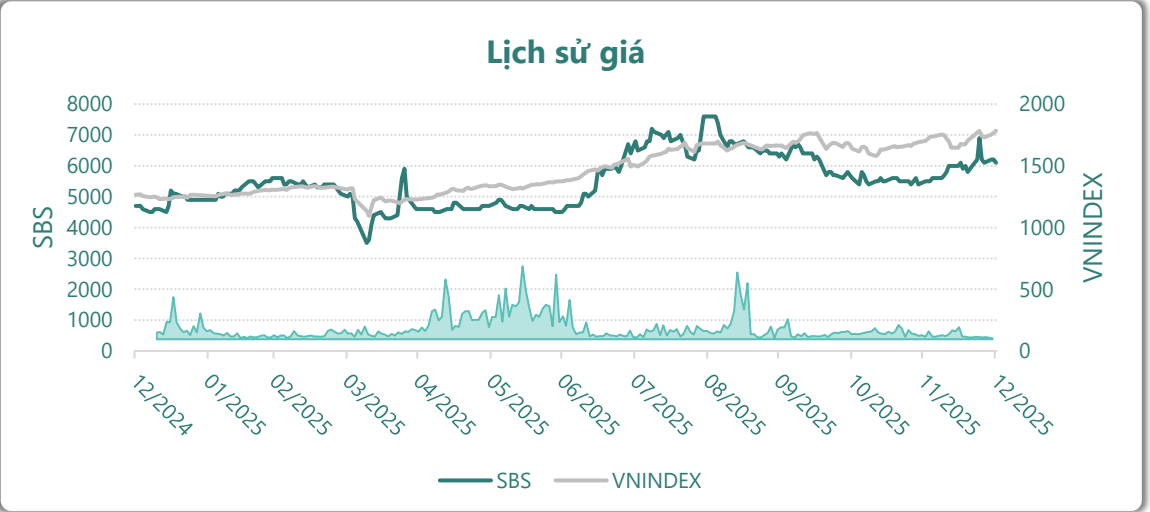
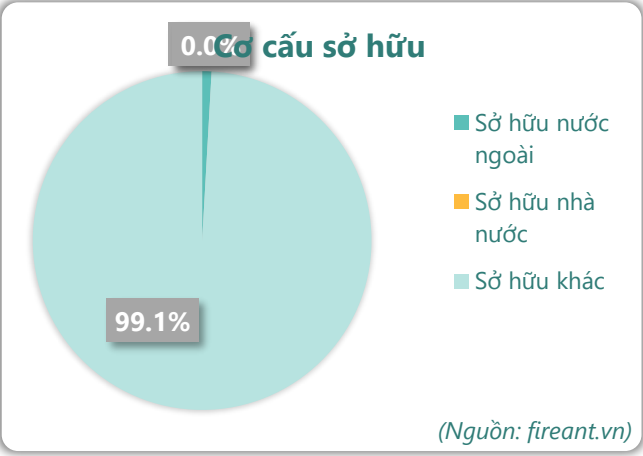
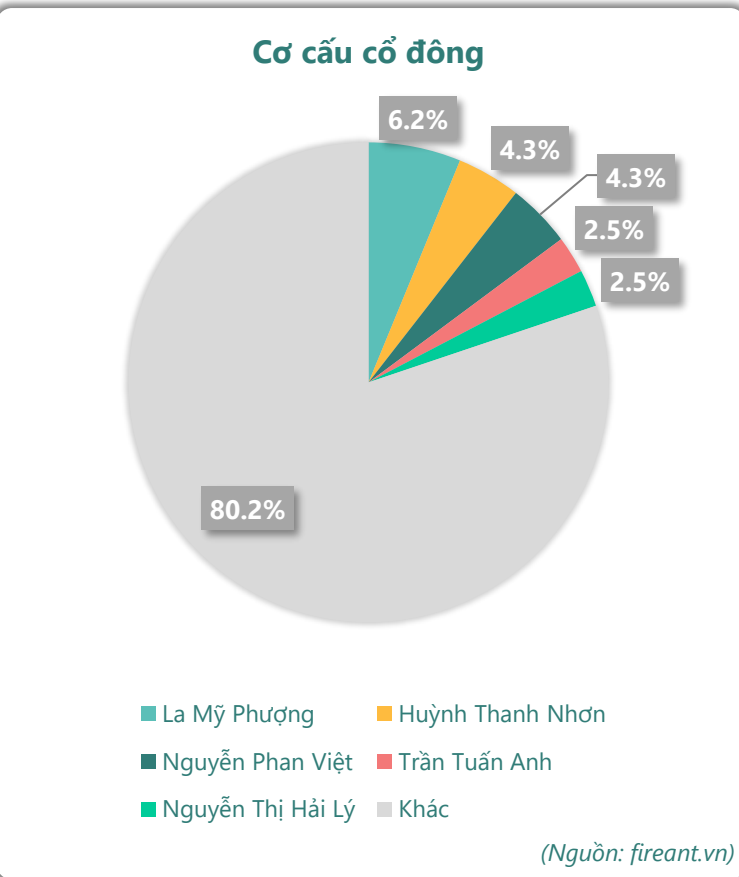
ROE 2025

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,500 - 7,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	894
Số lượng CPLH (CP)	146,607,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,970,205
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	1.96
EPS	-394
P/E	-15.5

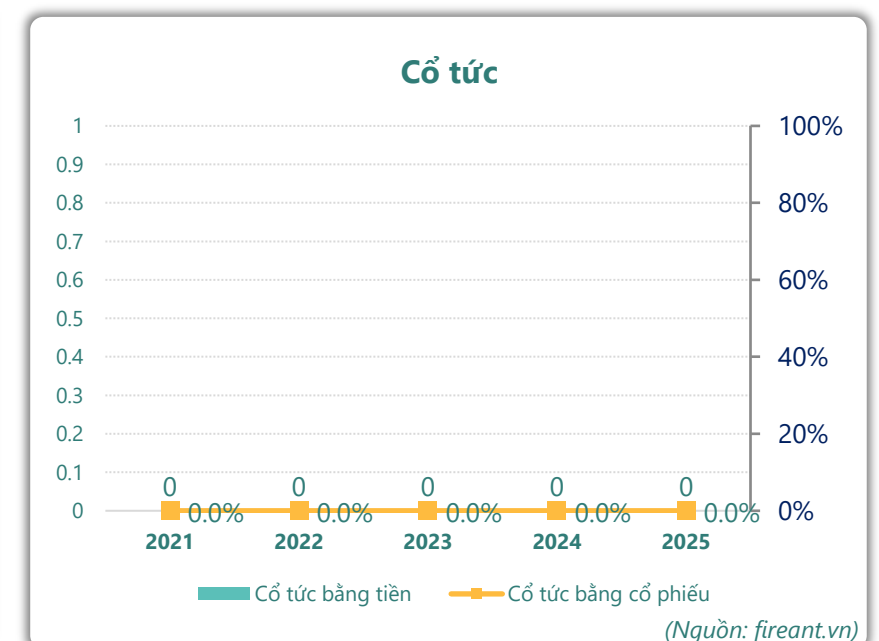
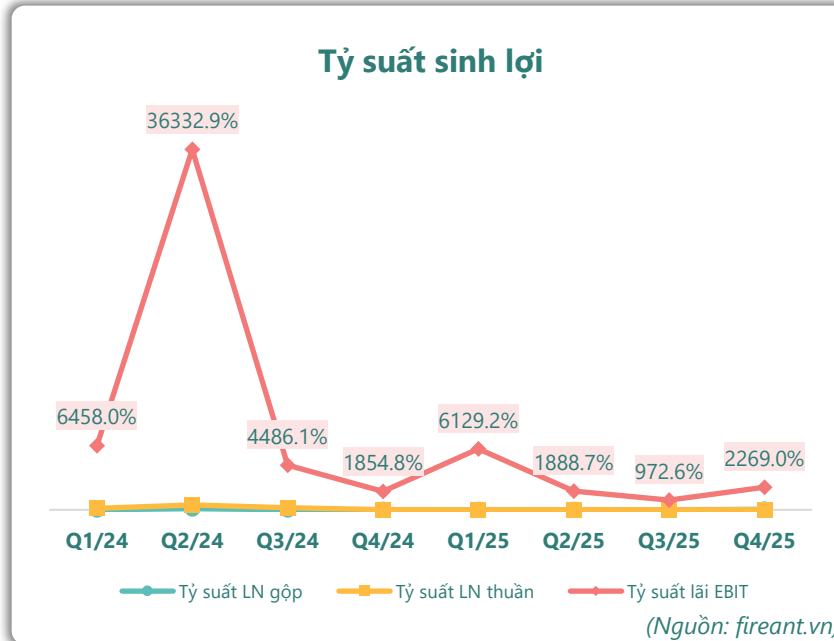
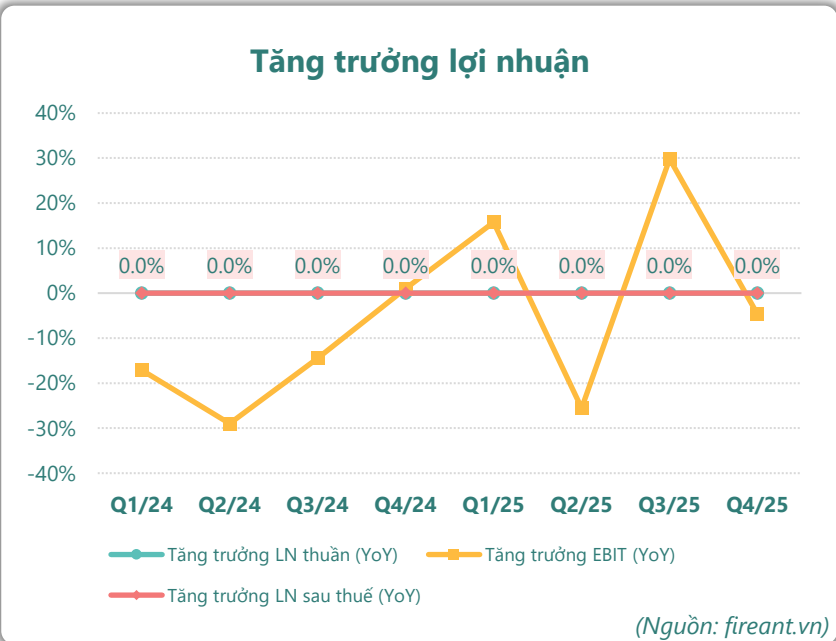
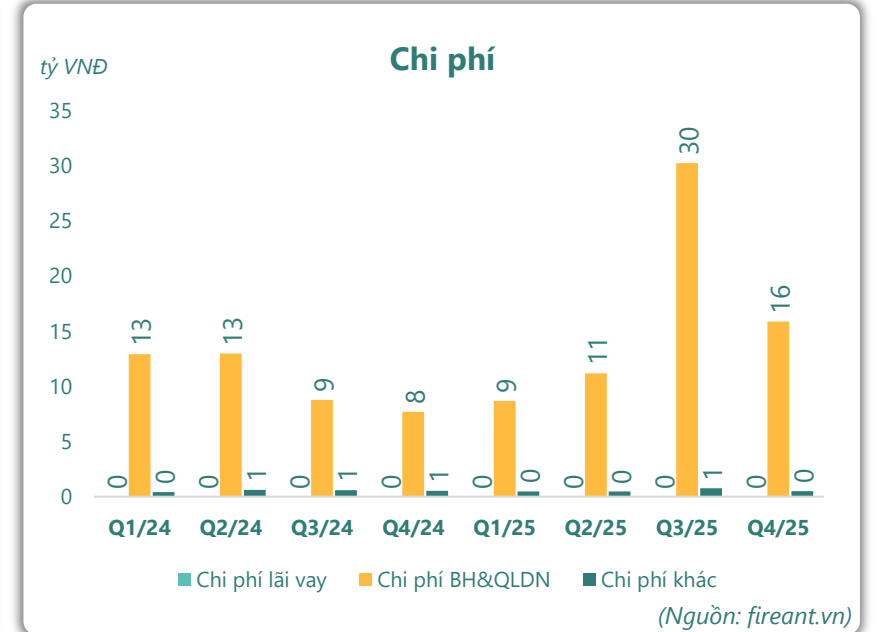
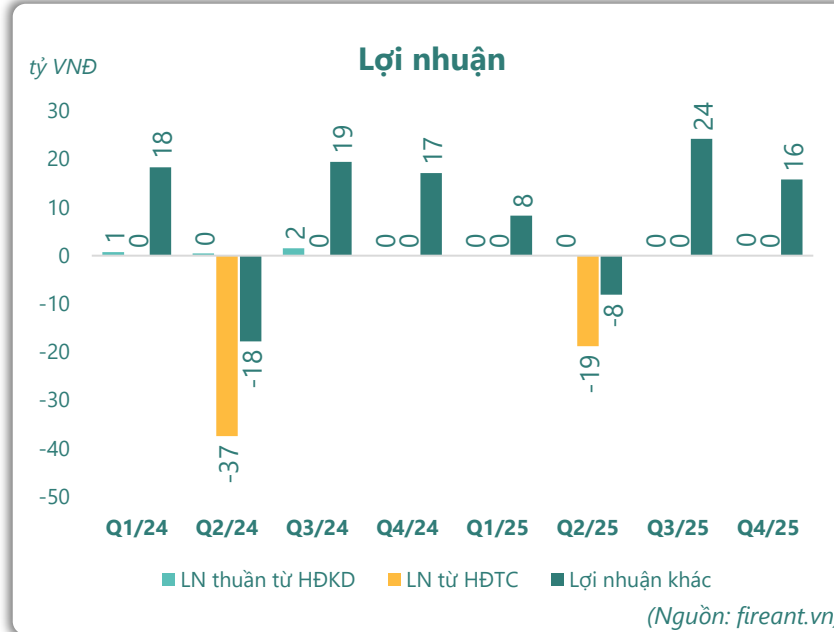
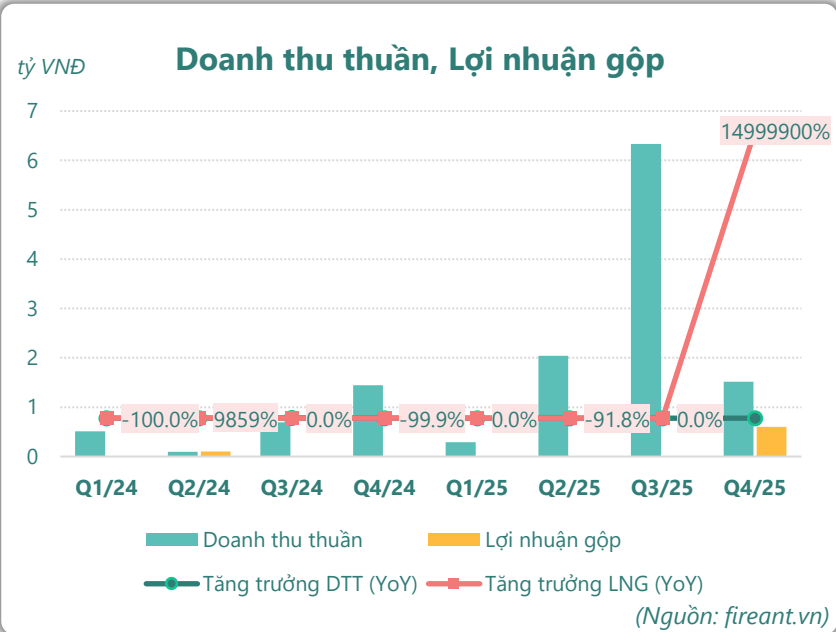
DT thuần 2025
10.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.83 644%

LN thuần 2025
0.12
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.55 -95.4%

LN sau thuế 2025
1.11
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.0 -92.1%



KẾT QUẢ KINH DOANH



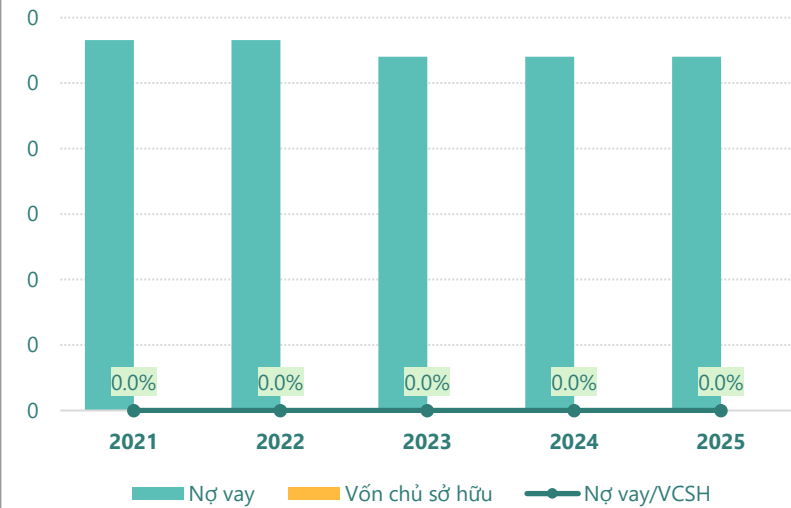
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

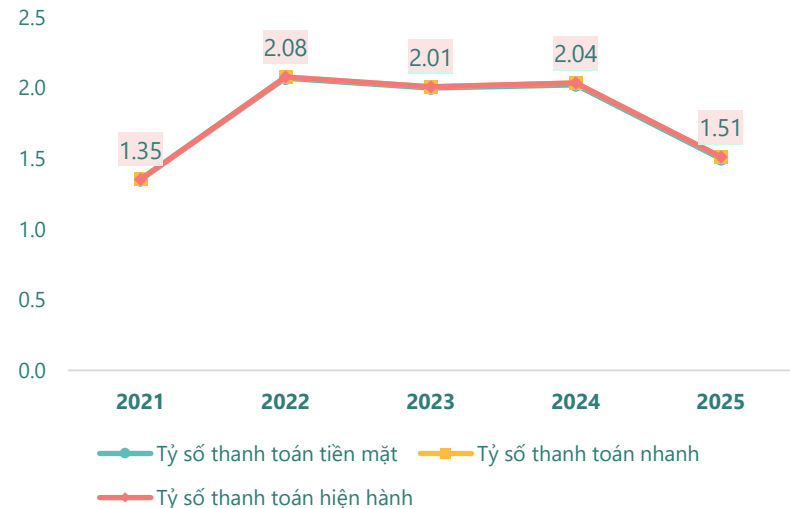
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



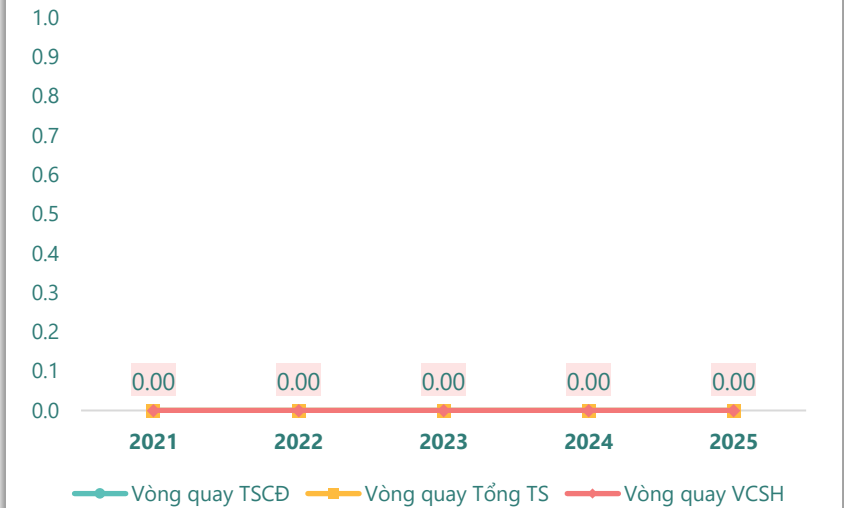
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



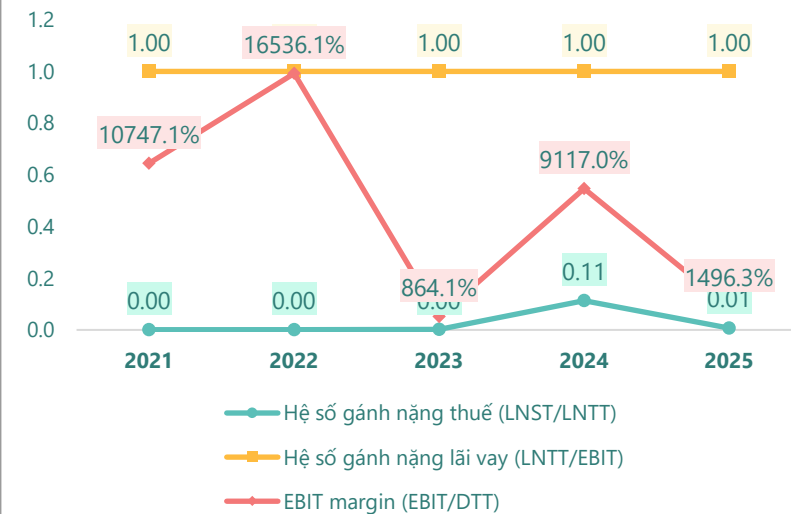
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



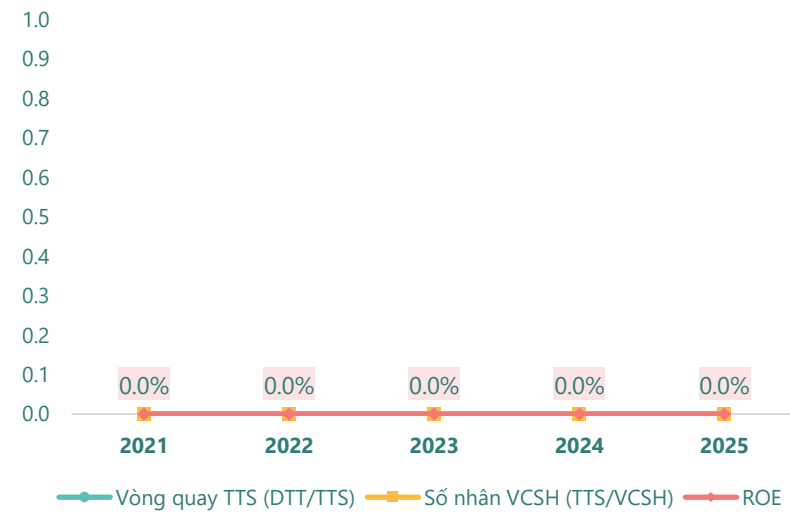
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



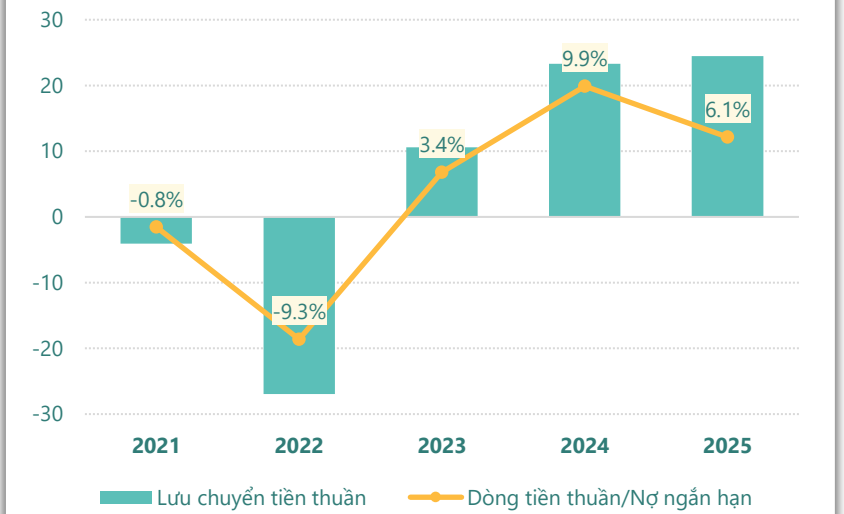
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1.51	1.45	4.5%	10.2	1.37	644%
Giá vốn hàng bán	0	0.00		14.2	1.37	932%
Lợi nhuận gộp	0.60	0.00		0.61	0.10	494%
Doanh thu HĐTC	0	0.00		0	0	
Chi phí TC	0	0.00		18.8	73.3	-74.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	15.9	7.72	106%	66.1	42.4	55.8%
Chi phí QLDN	0	0.00		0	0	
LN thuần từ HĐKD	0.09	0.04	115%	0.12	2.67	-95.4%
Lợi nhuận khác	15.8	17.1	-7.7%	40.2	1.32	2953%
LN trước thuế	34.4	26.9	27.8%	152	125	22.2%
Lợi nhuận sau thuế	-0.31	0.15	-309%	1.11	14.1	-92.1%
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.24	41.5	-42.2	49.2	-48.5	65.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	4.42	5.67	47.2	5.00	54.2	5.74
Lưu chuyển tiền thuần	1.25	41.5	-42.2	49.2	-48.5	65.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.67	47.2	5.00	54.2	5.74	71.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	610	477	27.7%
Tiền và tương đương tiền	604	474	27.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	0	0.15	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	1.82	0.59	206%
Phải thu dài hạn	0.80	0.99	-19.1%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.4	22.9	-10.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	403	234	72.0%
Nợ ngắn hạn	403	234	72.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0.05	0.05	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

